TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Quyến
Ông Trần Công Điện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Cúc – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2022/TLSTHNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022, về tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2022/QĐSTHNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông H, sinh năm 1948; Trú tại: ấp 1, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

Bị đơn: Bà H1, sinh năm 1969; Trú tại: ấp 1, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

Người làm chứng:

- Ông P, sinh năm 1965; Trú tại: ấp 1, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

- Bà M, sinh năm 1968; Trú tại: ấp 1, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

- Ông Trần Văn H, sinh năm 1973; Trú tại: ấp A, thị trấn G, huyện A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Q, sinh năm 1979; Trú tại: ấp C, xã X, huyện A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Ông H trình bày: Về quan hệ hôn nhân, ông và Bà H1 tự nguyện kết hôn năm 1998 và có thực hiện đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung phát sinh mâu thuẫn nên ly hôn năm 2014 đến năm 2018 nguyên đơn và bị đơn sống chung lại với nhau có thực hiện đăng ký kết hôn. Mặc dù hôn nhân được hàn gắn lại nhưng trong thời gian chung sống tiếp tục xảy ra mâu thuẫn do bà H1có hành vi bạo hành, cờ bạc trong thời gian dài làm cho hôn nhân tiếp tục không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H1; Về con chung có một con chung Nguyễn Thị Yến Linh (giới tính nữ), sinh năm 2001, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung bà H1đang quản lý số vàng 50 cây 24k từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử đất, tiền hốt hụi 150.000.000 đồng từ việc chơi hụi do ông Nguyễn Văn Phục và vợ là bà My ở ấp Tầm Vu 1, xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp mở hụi, số tiền ông Hiền mượn 30 chỉ vàng 24k và số tiền 10.500.000 đồng bà H1mượn, một máy phát cỏ bà H1đã bán, những tài sản này ông yêu cầu chia đôi. Nợ chung không có.

Bị đơn Bà H1 trình bày: Về quan hệ hôn nhân, bà thừa nhận có kết hôn với ông Hnăm 1998, khi về sống chung nhà xảy ra mâu thuẫn nên ly hôn năm 2014 tại Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp. Đến năm 2018 mới thực hiện đăng ký kết hôn và chung sống lại với nhau. Trong thời gian này có xảy ra mâu thuẫn nhưng bà không đồng ý ly hôn với ông H. Đối với con chung đã trưởng thành, không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với tài sản chung có một phần đất khoảng 4.000m2 địa chỉ đất ấp 1, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang, phần đất này đã bán cho ông Võ T(thành phố Hồ Chí Minh) với số tiền 1,5 tỷ đồng ông Hquản lý, nhưng bà không yêu cầu trong vụ án mà sẽ làm đơn khởi kiện yêu cầu trong vụ kiện khác. Về số tiền bán đất 50 cây vàng thì bà không biết, tiền hụi thì bị giật, đối với 30 chỉ vàng thì Trần Văn Hđã trả và hai vợ chồng đã tiêu xài hết, một máy phát cỏ thì bị mất nhưng không báo với chính quyền địa phương, về số tiền 10.500.000 đồng bà không có mượn ông H. Do đó, yêu cầu của ông Hbuộc bà phải chia đôi số tài sản trên, bà không đồng ý; Về nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa quan điểm như sau: Về việc tuân theo pháp luật: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Về con chung đã trưởng thành nên không xem xét, về tài sản chung đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn, về nợ chung không có nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Mặc dù hôn nhân là tự nguyện nhưng từ khi kết hôn năm 1998 về sống chung với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài đến năm 2014 cả hai quyết định ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp giải quyết. Sau thời gian này các bên lại tiếp tục sống chung và thực hiện đăng ký kết hôn năm 2018. Lẽ ra hôn nhân được hạnh phúc, các bên khắc phục được những mâu thuẫn, khuyết điểm của bản thân để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng trái lại mục đích hôn nhân là đem hạnh phúc đến cho cả hai và gia đình. Ông Hvà bà H1tiếp tục xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài, để tạo cho các đương sự hàn gắn hôn nhân Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tại phiên tòa ông Hvẫn giữ yêu cầu ly hôn với bà H1, mặc dù bà H1không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn. Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa các đương sự, là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cải vả, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chứng minh quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn được chấp nhận.

[4] Về con chung: Đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên tòa nguyên đơn Ông H rút toàn bộ yêu cầu chia số vàng 50 cây 24k từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử đất, tiền hốt hụi 150.000.000 đồng, 30 chỉ vàng 24k ông Hiền mượn, số tiền 10.500.000 đồng bà H1mượn, một máy phát cỏ là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn, dành quyền khởi kiện cho nguyên đơn bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu; Về nợ chung, các đương sự khai không có.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 217, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông H được ly hôn với bị đơn Bà H1.

2. Về con chung: Đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ông H yêu cầu chia: số vàng 50 cây 24k từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử đất, tiền hốt hụi 150.000.000 đồng, 30 chỉ vàng 24k ông Hiền mượn, số tiền 10.500.000 đồng bà H1mượn, một máy phát cỏ.

4. Về nợ chung nguyên đơn và bị đơn khai không có nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn Ông H không phải chịu do được miễn theo khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

6. Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hiếu